

Số: /NQ-HĐND

Vĩnh Châu, ngày tháng năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương
thị xã Vĩnh Châu năm 2023**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016;

Thực hiện Quyết định số 3335/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023 cho các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Sóc Trăng

Sau khi xem xét Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương thị xã Vĩnh Châu năm 2023;

Qua Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân dân thị xã; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân và phát biểu giải trình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Tờ trình số 41/TTr-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách địa phương thị xã Vĩnh Châu năm 2023, gồm những chỉ tiêu chủ yếu như sau:

1. Điều chỉnh tăng dự toán thu ngân sách nhà nước thị xã Vĩnh Châu năm 2023 là 220.101 triệu đồng, nâng tổng dự toán thu ngân sách nhà nước sau khi điều chỉnh là 866.464 triệu đồng, trong đó:

a) Tăng dự toán thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh là 70.943 triệu đồng.

b) Tăng dự toán thu kết dư ngân sách địa phương là 7.273 triệu đồng (theo số liệu kết toán khóa sổ thu, chi ngân sách sau thời gian chỉnh lý quyết toán); trong đó kết dư ngân sách thị xã là 4.251 triệu đồng, ngân sách xã, phường là 3.022 triệu đồng.

c) Tăng dự toán thu chuyển nguồn: 141.885 triệu đồng.

2. Điều chỉnh tăng dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023 là 220.101 triệu đồng, nâng tổng dự toán chi sau khi điều chỉnh là 866.464 triệu đồng, trong đó:

a) Tăng dự toán chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách tỉnh là 70.943 triệu đồng.

b) Tăng dự toán chi từ khoản kết dư của ngân sách thị xã là 4.251 triệu đồng.

c) Tăng dự toán chi từ khoản kết dư của ngân sách xã, phường là 3.022 triệu đồng.

d) Tăng dự toán chi chuyển nguồn sang ngân sách năm nay: 141.885 triệu đồng.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân, thị xã Vĩnh Châu theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thị xã khóa XII, kỳ họp thứ tám, nhất trí thông qua vào ngày 26 tháng 6 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua.

Nơi nhận:

- TT. HĐND-UBND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp, Sở Tài chính, tỉnh Sóc Trăng;
- TT. TU, UBND, UBMTTQ thị xã;
- Tổ đại biểu HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND thị xã;
- Các cơ quan (Đảng-CQ-ĐT thị xã);
- TT. HĐND-UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, NC.

CHỦ TỊCH

Trà Khol

Phụ lục 01**Về việc điều chỉnh dự toán thu ngân sách thị xã năm 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu)

DVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán thu NSNN giao đầu năm	Điều chỉnh bổ sung dự toán thu NSNN	Dự toán thu NSNN sau khi điều chỉnh
A	B		3	4=1+3
Tổng thu ngân sách nhà nước		646.363	220.101	866.464
I	Thu ngân sách thị xã được hưởng theo phân cấp	56.800		56.800
II	Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh	589.563	70.943	660.506
1	Thu bổ sung cân đối	543.128		543.128
2	Thu bổ sung có mục tiêu	46.435	70.943	117.378
2.1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		57.761	57.761
-	Kinh phí thực hiện chương trình MTQG PTKT-XH vùng đồng bào DTTS năm 2023 (nguồn vốn Trung ương (vốn đầu tư phát triển) (0514)		22.144	22.144
-	Kinh phí thực hiện chương trình MTQG XD nông thôn mới năm 2023 (nguồn vốn Trung ương (vốn đầu tư phát triển) (0393)		4.092	4.092
-	Kinh phí thực hiện CTMT quốc gia XDNTM (nguồn NS tỉnh, vốn sự nghiệp)		2.301	2.301
-	Kinh phí thực hiện mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2023 (nguồn NS TW (vốn sự nghiệp))		20.502	20.502
-	Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2023 (nguồn ngân sách Trung (vốn sự nghiệp)		2.015	2.015
-	Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 (nguồn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp)		6.707	6.707

STT	Nội dung	Dự toán thu NSNN giao đầu năm	Điều chỉnh bổ sung dự toán thu NSNN	Dự toán thu NSNN sau khi điều chỉnh
2.2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	46.435	13.182	59.617
-	Bổ sung có mục tiêu từ nguồn xổ số kiến thiết	46.435	0	46.435
+	Trường Mầm non Vĩnh Phước	10.100		10.100
+	Trường Tiểu học Vĩnh Hiệp 1	3.390		3.390
+	Trường Tiểu học Lạc Hòa 1	3.295		3.295
+	Trường THCS Vĩnh Hải (giai đoạn 2)	14.750		14.750
+	Trường THCS Phường 2	14.900		14.900
-	Bổ sung có mục tiêu, nhiệm vụ	0	13.182	13.182
+	Kinh phí thăm, tặng quà và chúc Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023		400	400
+	Kinh phí hỗ trợ nghỉ việc đối với người hoạt động không chuyên trách ấp khóm		920	920
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự ATGT năm 2023		133	133
+	Kinh phí tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/204/NĐ-CP, NĐ 43/2020/NĐ-CP đợt II năm 2022 (lần 2)		2.136	2.136
+	Kinh phí hỗ trợ Ban tổ chức hội thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng		34	34
+	Kinh phí duy trì, cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015		165	165
+	Kinh phí thực hiện công tác duy tu, nạo vét các kênh, sửa chữa cống dưới đê. Trong đó ưu tiên bố trí các công trình chống hạn, xâm nhập mặn và các xã nông thôn mới để hoàn thành tiêu chí về thủy lợi		8.400	8.400
+	Kinh phí thực hiện biên soạn lịch sử Đảng bộ xã, phường 1975-2015		100	100

STT	Nội dung	Dự toán thu NSNN giao đầu năm	Điều chỉnh bổ sung dự toán thu NSNN	Dự toán thu NSNN sau khi điều chỉnh
+	Kinh phí thực hiện các hoạt động thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ		180	180
+	Kinh phí phụ cấp công an xã bán chuyên trách theo NQ 25/2022/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		714	714
III	Thu từ nguồn kết dư ngân sách		7.273	7.273
a	Thu kết dư ngân sách thị xã		4.251	4.251
1	Nguồn bổ sung có mục tiêu năm trước chuyển sang		506	506
-	Kinh phí BSMT thực hiện nhiệm vụ		506	506
+	Kinh phí hỗ trợ SP dịch vụ Thủy Lợi		9	9
+	Kinh phí để thanh toán chi phí xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn đưa về nhà máy xử lý chất thải rắn thành phố ST và các vùng lân cận năm 2022		113	113
+	Kinh phí thực hiện đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho người lao động		27	27
+	Kinh phí thực hiện khoa học công nghệ		23	23
+	Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022 (nguồn NS Trung ương) nguồn sự nghiệp		2	2
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường năm 2022		183	183
+	Kinh phí kiến thiết thị chính năm 2022 để thực hiện lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng		31	31
+	Kinh phí tổ chức hội thi sáng tạo TTN nhi đồng		1	1
+	Kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng SĐĐ năm 2019 (QĐ 3707/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng)		80	80

STT	Nội dung	Dự toán thu NSNN giao đầu năm	Điều chỉnh bổ sung dự toán thu NSNN	Dự toán thu NSNN sau khi điều chỉnh
+	Kinh phí biên soạn lịch sử Đảng bộ		36	36
-	Thu vượt ngân sách năm 2022		3.744	3.744
b	Kết dư ngân sách xã, phường		3.022	3.022
IV	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước		141.885	141.885

Phụ lục 02**Về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2023 của Hội đồng nhân dân thị xã Vĩnh Châu)

ĐVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm giao	Điều chỉnh dự toán	Dự toán sau khi điều chỉnh
Tổng chi ngân sách địa phương		646.363	220.101	866.464
I	Chi đầu tư phát triển	43.103		43.103
II	Chi thường xuyên	537.853	-	537.853
III	Dự phòng	11.763		11.763
IV	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	7.209		7.209
V	Chi các chương trình mục tiêu	46.435	70.943	117.378
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		57.761	57.761
-	Kinh phí thực hiện chương trình MTQG PTKT-XH vùng đồng bào DTTS năm 2023 (nguồn vốn Trung ương (vốn đầu tư phát triển) (0514)		22.144	22.144
-	Kinh phí thực hiện chương trình MTQG XD nông thôn mới năm 2023 (nguồn vốn Trung ương (vốn đầu tư phát triển) (0393)		4.092	4.092
-	Kinh phí thực hiện CTMT quốc gia XDNTM (nguồn NS tỉnh, vốn sự nghiệp)		2.301	2.301

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm giao	Điều chỉnh dự toán	Dự toán sau khi điều chỉnh
-	Kinh phí thực hiện mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2023 (nguồn NS TW (vốn sự nghiệp))		20.502	20.502
-	Kinh phí thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2023 (nguồn ngân sách Trung (vốn sự nghiệp))		2.015	2.015
-	Kinh phí thực hiện Chương trình trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 (nguồn ngân sách Trung ương (vốn sự nghiệp))		6.707	6.707
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	46.435	13.182	59.617
2.1	Bổ sung có mục tiêu từ nguồn xổ số kiến thiết	46.435	0	46.435
-	Trường Mầm non Vĩnh Phước	10.100		10.100
-	Trường Tiểu học Vĩnh Hiệp 1	3.390		3.390
-	Trường Tiểu học Lạc Hòa 1	3.295		3.295
-	Trường THCS Vĩnh Hải (giai đoạn 2)	14.750		14.750
-	Trường THCS Phường 2	14.900		14.900
2.2	Bổ sung có mục tiêu, nhiệm vụ	0	13.182	13.182
-	Kinh phí thăm, tặng quà và chúc Tết Nguyên đán Quý Mão năm 2023		400	400
-	Kinh phí hỗ trợ nghỉ việc đối với người hoạt động không chuyên trách áp khóm		920	920

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm giao	Điều chỉnh dự toán	Dự toán sau khi điều chỉnh
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự ATGT năm 2023		133	133
-	Kinh phí tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/204/NĐ-CP, NĐ 43/2020/NĐ-CP đợt II năm 2022 (lần 2)		2.136	2.136
-	Kinh phí hỗ trợ Ban tổ chức hội thi sáng tạo thanh thiếu niên, nhi đồng		34	34
-	Kinh phí duy trì, cải tiến thường xuyên hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2015		165	165
-	Kinh phí thực hiện công tác duy tu, nạo vét các kênh, sửa chữa cống dưới đê. Trong đó ưu tiên bố trí các công trình chống hạn, xâm nhập mặn và các xã nông thôn mới để hoàn thành tiêu chí về thủy lợi		8.400	8.400
-	Kinh phí thực hiện biên soạn lịch sử Đảng bộ xã, phường 1975-2015		100	100
-	Kinh phí thực hiện các hoạt động thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ		180	180
-	Kinh phí phụ cấp công an xã bán chuyên trách theo NQ 25/2022/NQ-HĐND ngày 9/12/2022		714	714
V	Chi từ nguồn kết dư ngân sách		7.273	7.273
a	Chi kết dư ngân sách thị xã		4.251	4.251

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm giao	Điều chỉnh dự toán	Dự toán sau khi điều chỉnh
1	Nguồn bổ sung có mục tiêu năm trước chuyển sang		506	506
-	Kinh phí BSMT thực hiện nhiệm vụ		506	506
+	Kinh phí hỗ trợ SP dịch vụ Thủy Lợi		9	9
+	Kinh phí để thanh toán chi phí xử lý rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn đưa về nhà máy xử lý chất thải rắn thành phố ST và các vùng lân cận năm 2022		113	113
+	Kinh phí thực hiện đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng cho người lao động		27	27
+	Kinh phí thực hiện khoa học công nghệ		23	23
+	Kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2022 (nguồn NS Trung ương) nguồn sự nghiệp		2	2
+	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường năm 2022		183	183
+	Kinh phí kiến thiết thị chính năm 2022 để thực hiện lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng		31	31
+	Kinh phí tổ chức hội thi sáng tạo TTN nhi đồng		1	1
+	Kinh phí thực hiện kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng SDD năm 2019 (QĐ 3707/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng)		80	80
+	Kinh phí biên soạn lịch sử Đảng bộ		36	36

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm giao	Điều chỉnh dự toán	Dự toán sau khi điều chỉnh
2	Bổ sung các nhiệm vụ chi: mua sắm sửa chữa thiết bị, tài sản duy trì hoạt động thường xuyên; thực hiện nhiệm vụ, lĩnh vực chi phát sinh . . .)		3.744	3.744
b	Kết dư ngân sách xã, phường		3.022	3.022
VI	Chi chuyển nguồn sang sang ngân sách năm sau		141.885	141.885